

Số: 027/2019/ORS-CV

TP. HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố: bất thường 24 giờ theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/02/2019 tại đường dẫn:

<http://ors.com.vn/25/detail/1/cong-bo-thong-tin/2352/ors-cong-bo-bao-cao-thuong-nien-nam-2018.aspx>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2018



Người được ủy quyền CBTT

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG
Tầng 03, số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 39118014 – Fax: (84-8) 39118015

Website: www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Năm báo cáo: 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tâm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi

1.1. Tâm nhìn

Chúng tôi phấn đấu trở thành định chế tài chính uy tín nhất, gắn bó chặt chẽ với quyền lợi của khách hàng, đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

1.2. Sứ mệnh

Với tâm nhìn trên, chúng tôi cam kết nỗ lực cung cấp các dịch vụ tài chính và chứng khoán nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp, giúp tham gia đầu tư chứng khoán hiệu quả, gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng.

1.3. Giá trị cốt lõi

Tại ORS, chúng tôi luôn luôn giữ vững 5 giá trị cốt lõi để ứng biến trước mọi biến động của thị trường:

- Trung thực trong kinh doanh để bảo vệ lợi ích và tài sản của khách hàng cũng như của công ty;
- Đội ngũ nhân viên có trình độ cao đã được đào tạo bài bản theo các quy trình chuyên nghiệp đảm bảo mang đến sự tin tưởng và chất lượng tuyệt đối cho khách hàng;
- Tận tâm với nghề để đạt được mục tiêu cuối cùng nhưng vẫn giữ được niềm đam mê với công việc,
- Tư duy tích cực sẵn sàng đối mặt với mọi tình huống đưa các giải pháp năng động cho môi trường biến động,
- Có ý thức không ngừng học hỏi cập nhật tri thức nghề nghiệp để hoàn thiện bản thân mỗi ngày.

1.4. Trân trọng khách hàng

Sự hài lòng của khách hàng là thành công của ORS. Công ty nỗ lực mang lại giá trị vượt hơn mong đợi của khách hàng.

1.5. Giữ chữ tín

Uy tín là nền tảng tích lũy giá trị bền vững, dẫn đến thành công.

1.6. Cải tiến bản thân

Tập thể ORS không ngừng thử lửa, đúc kết kinh nghiệm và học hỏi.

1.7. Tư duy cộng tác

1 cộng 1 có thể lớn hơn 2 gấp nhiều lần! Nhân viên ORS luôn luôn sát cánh cùng đồng nghiệp, đối tác để chinh phục những đỉnh cao giá trị.

1.8. Tôn vinh hiệu quả

Chú trọng phát triển nhân lực chuyên nghiệp, trách nhiệm và chủ động - mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, công ty và cổ đông.

2. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 49/UBCK/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 29/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số: 90/GPĐC-UBCK ngày 26/10/2018.
- Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 240.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, số 75-77 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 39118014
- Số Fax: (028) 39118015
- Website: ors.com.vn
- Mã cổ phiếu: ORS

3. Quá trình hình thành và phát triển

Những dấu mốc quan trọng của ORS thể hiện qua các sự kiện như sau:

- | | |
|---------|--|
| 12/2006 | Nhận Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở KH&ĐT cấp. Nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/2UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do UBCKNN cấp. |
| 02/2007 | Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán |
| 05/2007 | Trở thành Thành viên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM và Hà Nội |
| 09/2007 | Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh Hà Nội |
| 12/2007 | Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng |
| 01/2008 | Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa |
| 02/2008 | Thành lập Phòng Giao dịch Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến |

- 09/2009 Nâng cấp Phòng Giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình
- 01/2010 Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa
- 04/2010 Thành lập Chi nhánh Hà Nội
- 06/2010 Thành lập Phòng Giao dịch Thành Công
- 07/2010 Niêm yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
- 08/2010 Thành lập Chi nhánh Gia Định
- 10/2010 Đổi tên Phòng Giao dịch Thành Công thành Phòng Giao dịch Bến Thành
- 12/2010 Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai
- 07/2011 Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở
- 10/2011 Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở
- 04/2012 Chuyển Chi nhánh Đồng Nai về Hội sở
- 08/2012 Chuyển Phòng Giao dịch Bến Thành về Hội sở
- 01/2013 Chuyển Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Tân Bình về Hội sở. Thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn mạng lưới, cắt giảm chi phí hoạt động để ổn định bộ máy, vượt qua khó khăn, tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững.
- 09/2015 Chuyển Trụ sở chính từ 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. hồ Chí Minh
- 05/2018 Chuyển Trụ sở chính từ Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh về Tầng 3, số 75-77 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

4.1. Ngành nghề kinh doanh:

ORS cung cấp các dịch vụ tài chính cho các khách hàng cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp dựa trên những cơ sở khảo sát và nghiên cứu đáng tin cậy. Chúng tôi luôn đặt ra các tiêu chuẩn cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo thông tin đến khách hàng luôn trung thực và chính xác nhất bởi đội ngũ chuyên gia giỏi chuyên môn và luôn tâm niệm mang đến sự an toàn và hiệu quả nhất cho khách hàng.

Hoạt động kinh doanh của ORS tiếp tục tập trung vào dịch vụ đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động và dịch vụ không trái với quy định của pháp luật như sau:

a) Hoạt động Môi giới chứng khoán:

Hoạt động môi giới chứng khoán trải qua 11 năm không ngừng phát triển, đội ngũ môi giới giàu kinh nghiệm. Các hoạt động môi giới gồm: Tư vấn mở tài khoản giao dịch, tư vấn giao dịch, cung cấp hỗ trợ thông tin về thị trường và cổ phiếu, hoạt động thanh

toán, đại lý đấu giá IPO. Tính tới ngày 31/12/2018, tổng số tài khoản giao dịch là 9.881 tài khoản. Trong đó có 9.881 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước, 56 tài khoản nhà đầu tư tổ chức trong nước, 70 tài khoản cá nhân nước ngoài và 3 tài khoản tổ chức nước ngoài. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu môi giới lớn nhất chiếm 43.85% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

b) Hoạt động Tự doanh chứng khoán:

Để phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh, hoạt động tự doanh tiếp tục là giải pháp hiệu quả để ORS nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tự có. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu tự doanh chiếm 22.61% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

c) Hoạt động Tư vấn:

Bao gồm các hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn khác. Các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như: Tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn phát hành trái phiếu. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu tư vấn chiếm 22.63% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

d) Hoạt động Lưu ký chứng khoán:

Hoạt động lưu ký giao dịch: Quản lý tiền và chứng khoán; Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán; Chuyển nhượng quyền mua chứng khoán; Thực hiện quyền. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu tư vấn chiếm 1.94% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

e) Hoạt động Báo giá và Quản lý cổ đông cho cổ phiếu OTC:

Quản lý sổ cổ đông cho doanh nghiệp chưa niêm yết/đăng ký giao dịch: Quản lý sổ cổ đông, thực hiện việc chốt quyền, chuyển nhượng quyền mua, thay đổi thông tin, cấp sổ, thanh toán cổ tức. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu tư vấn chiếm 0.46% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

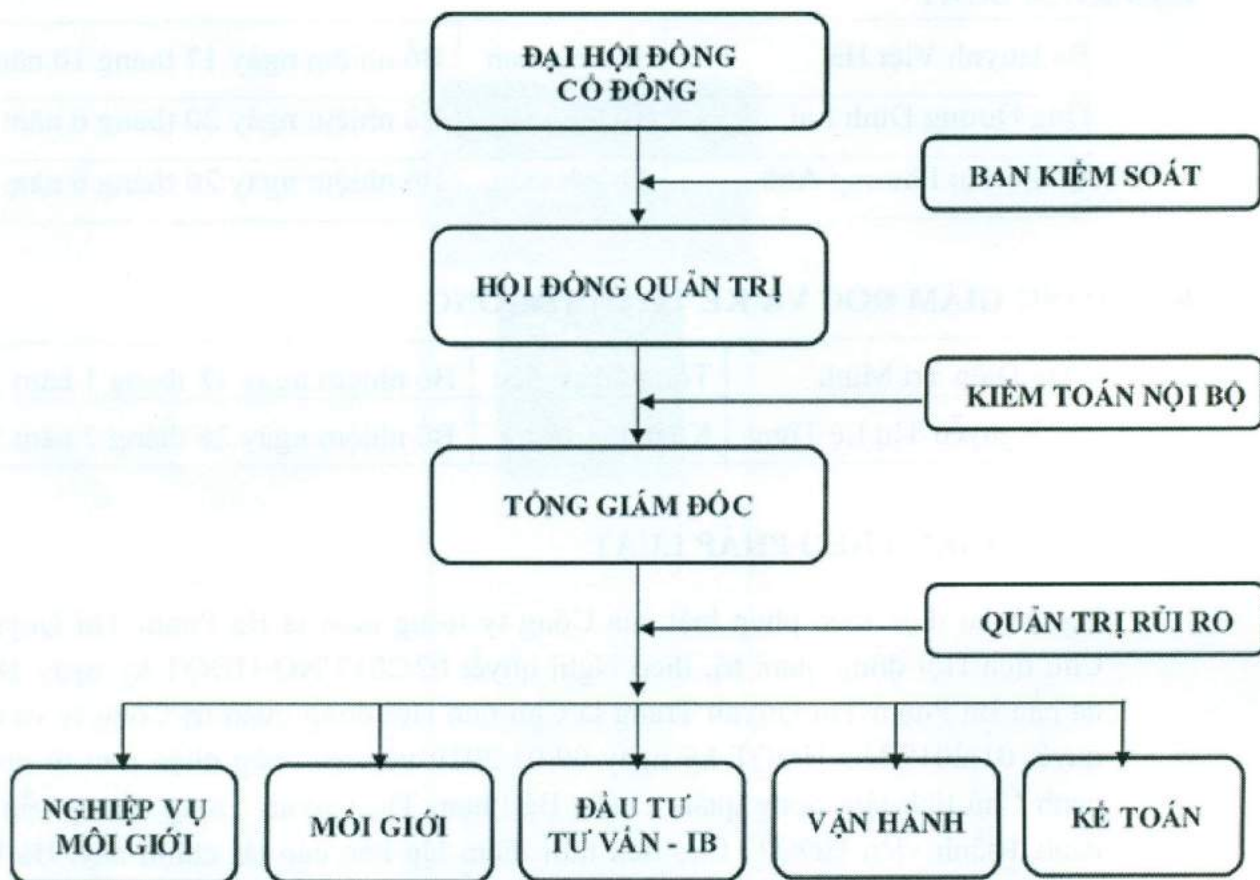
4.2. Địa bàn kinh doanh:

ORS có địa bàn kinh doanh rộng khắp trong nước và nước ngoài, khách hàng ở bất cứ nơi đâu trên lãnh thổ Việt Nam hay ở bất cứ nước nào ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng có thể mở tài khoản lưu ký và giao dịch tại ORS và được nhận các thông tin tư vấn chính xác theo đúng quy định pháp luật Việt Nam.

5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1. Mô hình quản trị:

ORS hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cơ cấu quản trị được thể hiện cụ thể như trong sơ đồ sau:



5.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng của công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo thương niên này như sau:

Họ tên _____ Chức vụ _____ Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm _____

CHỦ TỊCH

Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2017 Từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019
Ông Trần Sơn Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019

THÀNH VIÊN

Ông Trần Sơn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019
Ông Phạm Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2017
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2016
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2017
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Bà Huỳnh Việt Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2017
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm là Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐQT ký ngày 18/01/2017 đã bầu Bà Phạm Thị Quỳnh Trang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐQT ký ngày 09/01/2019 về việc chấp nhận đơn từ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị của Bà Phạm Thị Quỳnh Trang nhưng vẫn giữ chức danh Thành viên HĐQT. Cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Thành viên Hội đồng quản trị, vẫn là người đại diện theo pháp luật Công ty.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo thường niên này, Công ty đã có những thay đổi sau:

- Thay đổi địa điểm Trụ sở chính công ty từ Tầng 14 số 35 Tôn Đức Thắng phường Bến Nghé quận 1 Tp. HCM qua Tầng 3 số 75 – 77 Nguyễn Thái Bình phường Nguyễn Thái Bình quận 1 Tp. HCM.
- Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng không thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

5.3. Định hướng phát triển (2018-2021)

Với tình hình hiện tại, quy mô vốn nhỏ, lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh cao, các dịch vụ kinh doanh bị hạn chế. Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 2018-2021 như sau:

- Tăng vốn điều lệ đủ để đáp ứng cung cấp các dịch vụ cạnh tranh cho khách hàng.
- Nâng cao chất lượng toàn diện các dịch vụ kinh doanh chuyên sâu, phát triển và cung cấp các tiện ích giao dịch cho khách hàng tốt nhất.

- Mở rộng mạng lưới các chi nhánh, trung tâm hỗ trợ giao dịch.
- Xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, lành nghề.
- Nâng cao chất lượng hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống giám sát và quản trị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.
- Phân đầu lọt vào top 10 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất và cung cấp dịch vụ về giao dịch sản phẩm phái sinh.
- Xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, sự tương tác và hỗ trợ giữa các cấp, các bộ phận, các cá nhân đạt được sự đoàn kết và hiệu quả cao nhất.
- Thành lập bộ phận chuyên trách, phụ trách các hoạt động cộng đồng, nhằm truyền tải thông điệp lợi ích công ty gắn liền với lợi ích cộng đồng và xã hội.

5.4. Các rủi ro:

5.4.1 Rủi ro thị trường:

Các rủi ro thị trường tác động tới hoạt động của ORS: giá cổ phiếu, lãi suất.

- **Giá cổ phiếu:** Sự biến động của giá cổ phiếu ảnh hưởng tới giá trị danh mục đầu tư cũng như kết quả lời lỗ của hoạt động đầu tư, với chính sách đầu tư rõ ràng, tập trung nhóm cổ phiếu tốt và thời gian đầu tư ngắn đã hạn chế rủi ro và đảm bảo được hiệu quả lợi nhuận đầu tư như kế hoạch đề ra. Nghiên cứu và nắm bắt rõ hoạt động kinh doanh của các cổ phiếu đầu tư, tập trung nhóm cổ phiếu có sự tăng trưởng mảng kinh doanh cốt lõi tốt hoặc duy trì mức ổn định cao là mục tiêu ORS hướng tới để hạn chế rủi ro biến động giá cổ phiếu.
- **Lãi suất:** Lãi suất biến động thất thường sẽ ảnh hưởng tới các khoản tiền gửi có kỳ hạn của ORS. Năm 2018, lãi suất tiền gửi khá ổn định, giúp cho ORS có khoản thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn ngắn của ORS. Để hạn chế rủi ro từ lãi suất, ORS đã chủ động cơ cấu tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn ổn định.

5.4.2 Rủi ro thanh khoản:

Xảy ra khi ORS không thực hiện được các nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư khi mua cổ phiếu cũng như các khách hàng, đối tác. Hoạt động rủi ro này là khá thấp khi ORS đã xây dựng và thực hiện tuân thủ tốt các quy chế quản trị rủi ro, quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư.

5.4.3 Rủi ro tuân thủ:

Rủi ro tuân thủ diễn ra khi các cá nhân, bộ phận trong ORS thực hiện không đúng các quy định, quy trình đã đề ra. Mức độ rủi ro này ở mức thấp vì bộ phận pháp chế và quản lý rủi ro tiến hành kiểm tra giám sát hàng ngày.

5.4.4 Rủi ro pháp lý:

Xảy ra khi công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiện tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được bộ phận pháp chế và quản trị rủi ro giám sát hàng ngày, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện.

5.4.5 Rủi ro hoạt động:

Diễn ra do các yếu tố bên trong và bên ngoài ORS. Các yếu tố bên trong như: Cơ cấu tổ chức, quy trình, con người, hệ thống công nghệ thông tin. Các yếu tố bên ngoài như: Tắc nghẽn hệ thống đường truyền hệ thống giao dịch tại các sở giao dịch, thiên tai, hỏa hoạn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc năm 2018

1.1. Những điểm nhấn:

- Tái cơ cấu bộ máy hoạt động ổn định và hiệu quả: Các hoạt động chính được triển khai đồng bộ với đội ngũ nhân sự trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm lâu năm, tạo tiền đề cho định hướng chiến lược phát triển bền vững.
- Rà soát, cập nhật và nâng cấp các quy định, quy trình thủ tục: Đảm bảo mọi hoạt động diễn ra nhanh đúng quy định, và hiệu quả.
- Tài sản, nguồn vốn tính đến hết 31/12/2018, tổng tài sản của ORS giảm còn 71,63 tỷ đồng, giảm 84,21% so với năm trước.
- Thay đổi lớn về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2021.

1.2. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi:

- HĐQT chỉ đạo sâu sát tinh gọn đội ngũ nhân sự công ty; trong năm đã được cơ cấu theo hướng tập trung vào từng hoạt động kinh doanh, với cơ chế gọn nhẹ, chủ động trong công việc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

b) Khó khăn:

- Song song với việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua, năm 2018 ORS cũng tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo định hướng của HĐQT.
- Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng khốc liệt. Ngoài hoạt động tự doanh, tiền gửi là nguồn thu chính của Công ty, Công ty chứng khoán Phương Đông cần một sự cải tổ mạnh về cơ chế, về nguồn vốn nhằm nâng cao

năng lực cạnh tranh trong cách lĩnh vực tư vấn tài chính, thông qua việc cải thiện vị thế của công ty trong ngành và lĩnh vực môi giới, thông qua việc cung cấp dịch vụ giao dịch tốt nhất nhằm thu hút nhà đầu tư.

2. Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018 thể hiện cụ thể trong các chỉ tiêu như bảng dưới đây:

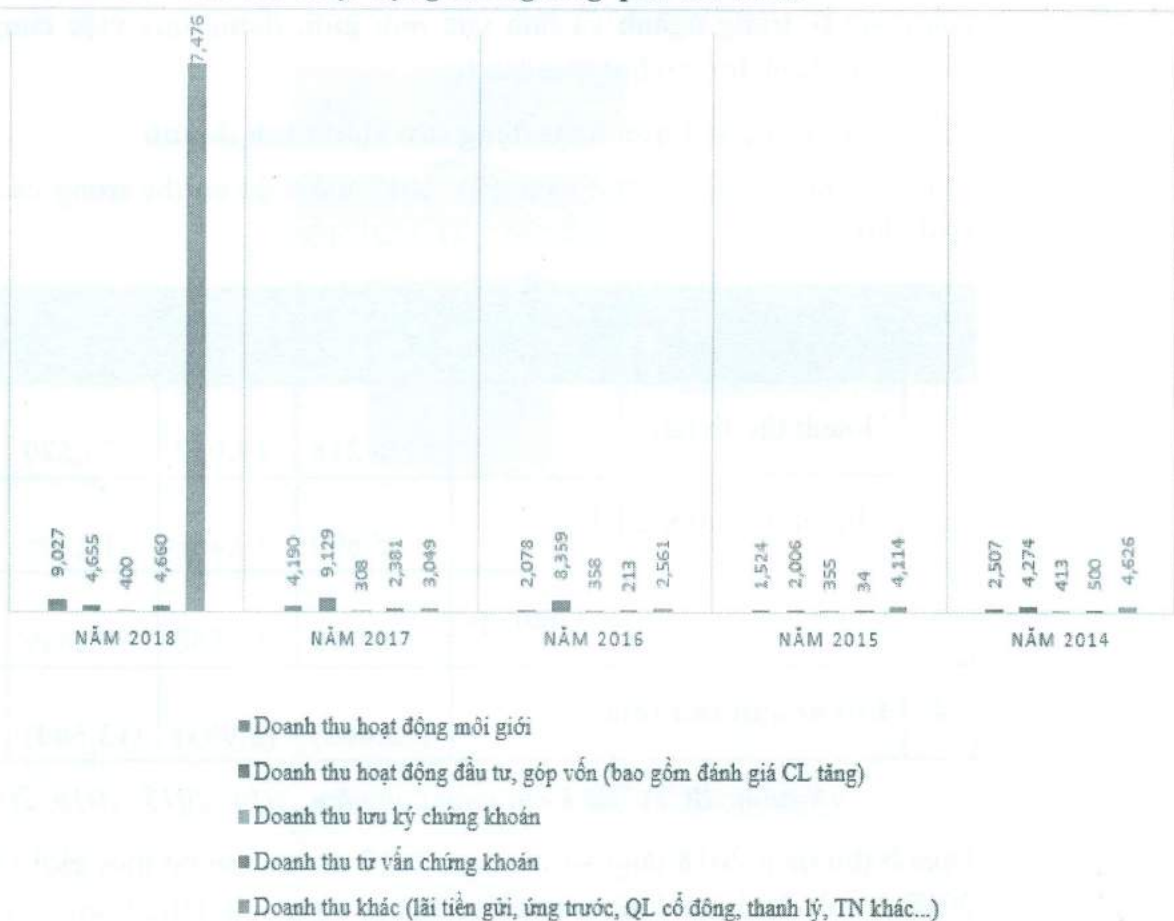
Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	396,218	19,057	13,570	8,033	12,320
2	Chi phí hoạt động KD	15,890	10,463	15,205	12,245	3,290
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	390,990	11,588	11,869	(8,016)	8,385
4	Lợi nhuận sau thuế	(10,662)	(2,993)	(13,504)	3,804	645

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018)

Doanh thu năm 2018 tăng so với năm 2017 do hoạt động môi giới và tư vấn tăng. Năm 2018 doanh thu hoạt động môi giới, đầu tư và tư vấn tăng tương ứng lần lượt là 115%, 96%. Mức tăng doanh thu lớn nhất là thu nhập từ việc được giảm nợ từ chủ Nợ 375 tỷ đồng tương đương tăng 120.62%.

Cơ cấu doanh thu của các hoạt động tương ứng qua các năm:



(Nguồn: BCTC đã kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018)

3. Đánh giá các hoạt động kinh doanh chính:

3.1. Hoạt động môi giới chứng khoán:

Đvt: triệu đồng.

Chỉ tiêu	2018	2017	+/- % 2018/2017
Doanh thu môi giới	9,027	4,190	115.44%
Chi phí môi giới	7,440	3,564	108.75%
Lợi nhuận môi giới	1,587	626	153.51%
Số lượng tài khoản	10,010	9,989	2.17%
Nhà đầu tư cá nhân trong nước	9,881	9,779	1.04%
Nhà đầu tư tổ chức trong nước	56	50	12.00%
Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài	70	63	11.11%
Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài	3	3	0%
Giá trị giao dịch	2,010,610	1,556,328	29.19%

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty Chứng khoán Phương Đông có tổng cộng 10,010 tài khoản giao dịch. Trong đó có 9.881 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước, có 56 tài khoản nhà đầu tư tổ chức trong nước, 70 tài khoản cá nhân nước ngoài và 3 tài khoản tổ chức nước ngoài, tăng 21 tài khoản so với năm 2017. Tổng giá trị giao dịch 2,010,610 triệu đồng tăng 29.19% so với cùng kỳ 2017, mang lại cho ORS 9,027 triệu đồng doanh thu môi giới tăng 115.44% so với năm 2017.

3.2. Hoạt động đầu tư tài chính:

- Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2018 đạt 4.654 triệu đồng, tăng 740% so với cùng kỳ 2017. Chi phí tự doanh là khoản lỗ do thoái Danh mục OTC và cơ cấu lại danh mục Niêm yết.
- Tình hình đánh giá lại tài sản tài chính đến 31/12/2018 là 1,8 tỷ đồng chủ yếu là các khoản đầu tư cổ phiếu HAG, DXG, BCG.

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2017	+/- % 2018/2017
Lãi bán chứng khoán	3,127	554	464.37%
Cổ tức	846	70	1108.96%
Chênh lệch đánh giá lại cổ phiếu (+/-)	-1,911	7,327	-126.09%
Chi phí hoạt động	8,951	8,666	3.29%
Lợi nhuận tự doanh	(6,889)	(715)	-863.62%

Danh mục đầu tư:

Tính đến hết ngày 31/12/2018, tổng danh mục đầu tư của Công ty chứng khoán Phương Đông khoảng 35,034 triệu đồng.

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2017	Tăng/giảm
Tài sản tài chính FVTPL - Cổ phiếu niêm yết	18,851	17,647	6.82%
Tài sản tài chính FVTPL - Cổ phiếu chưa niêm yết	3,000	4,300	-30.23%
Tiền gửi có kỳ hạn	15,000	20,000	-25.00%
Cộng giá trị đầu tư	36,851	41,947	-12.15%
Chênh lệch tăng-giảm	(1,816)	95	-2011.83%
Tổng cộng	35,034	42,042	-16.67%

3.3. Hoạt động tư vấn tài chính

Nguồn thu của mảng này chủ yếu là tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành trái phiếu, ... Hoạt động về tư vấn còn hạn chế do lực lượng nhân sự mỏng tuy nhiên doanh thu của năm 2018 đạt 4.660 triệu đồng chiếm 1,18% tổng doanh thu và chiếm 22.63% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh.

3.4. Các hoạt động khác

3.4.1 Hoạt động đào tạo nhân sự:

- Trong năm 2018, ORS tiếp tục duy trì bộ máy kinh doanh tinh gọn, thay đổi các vị trí quản lý cấp cao và cấp trung có chất lượng, tập trung đẩy mạnh phát triển mảng môi giới và tư vấn. ORS duy trì cơ cấu tổ chức phát triển nguồn lực theo chiều sâu, chủ trương nhân sự đa năng, đa nhiệm, một người có thể làm được nhiều việc khác nhau. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí song không mất đi các chức năng, công năng vốn có.
- Xây dựng cơ chế lương, thưởng theo hiệu suất để nâng cao năng suất lao động, thu hút nhân tài, chuẩn bị cho định hướng phát triển kinh doanh trong thời gian tới của ORS.
- Ngoài ra, ORS cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên, cụ thể trong năm 2018, ORS đã hỗ trợ chi phí và thời gian cho nhân viên theo học các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề còn thiếu.

3.4.2 Hoạt động công nghệ thông tin:

- Năm 2018 với nhiều thay đổi lớn trong hoạt động công ty, phòng Công nghệ thông tin đã phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện một số công việc như sau:
 - Kết hợp với Sở giao dịch HCM triển khai hệ thống giao dịch có hỗ trợ sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant) và tăng trần suất tính chỉ số HOSE index lên 5 giây/1 lần.
 - Thực hiện tốt công tác vận hành, quản lý hạ tầng, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hỗ trợ kịp thời cho các bộ phận nghiệp vụ khác và nhà đầu tư.

3.4.3 Hoạt động kế toán và quản lý nguồn vốn:

- Trong năm qua, đây là một trong những hoạt động có đóng góp đáng kể trong duy trì thu nhập và quản lý tốt nguồn vốn của công ty. Thu lãi tiền gửi trong năm 2018 đạt VND 1,9 tỷ, đóng góp 0.49% tổng thu nhập cả Công ty. Nguồn tiền phục vụ đầu tư, kinh doanh cũng như chi phí hoạt động được đảm bảo ở mức vừa đủ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn của công ty.

- Bộ phận kế toán thực hiện tốt các báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo cho các cơ quan quản lý, tham vấn kịp thời cho Ban điều hành trong việc quản trị nguồn vốn.

3.4.4 Hoạt động pháp chế và kiểm soát nội bộ:

- Trong năm 2018, ORS chưa có bộ phận pháp chế chuyên trách phải thuê bên ngoài nên việc tham vấn cho Lãnh đạo chưa nhanh chóng kịp thời.
- Nhân sự thuộc bộ phận kiểm soát nội bộ còn mỏng nên công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh chưa được thực hiện thường xuyên; các quy trình hoạt động của công ty còn thiếu sót, cập nhật chưa đầy đủ kịp thời với quy định mới ban hành.

4. Đánh giá tình hình tài chính

4.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a) Tình hình hoạt động kinh doanh và tài sản chung:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	71,634,059,656	453,524,025,540	-84.21%
Vốn chủ sở hữu	56,884,409,858	68,594,300,825	-17.07%
Doanh thu thuần	20,917,898,308	18,294,432,005	14.34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(385,898,476,352)	(2,936,675,737)	13040.66%
Lợi nhuận khác	375,236,475,583	(56,168,826)	-668151.13%
Lợi nhuận trước thuế	(10,662,000,769)	(2,992,844,563)	256.25%
Lợi nhuận sau thuế	(10,662,000,769)	(2,992,844,563)	256.25%

(Số liệu Doanh thu thuần được trình bày theo báo cáo kiểm toán 2018)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ số tài chính	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/giảm (%)
I	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán hiện hành	4.38	1.16	276.9%
2	Hệ số thanh toán nhanh	4.38	1.16	276.9%

II	Cấu trúc tài chính			
1	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.26	5.61	-95.4%
2	Tổng nợ/Tổng tài sản	0.21	0.85	-75.7%
III	Khả năng sinh lời			
1	ROE	-0.19	-0.04	329.6%
2	ROA	-0.15	-0.01	2155.5%

4.2. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái:

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh không chịu sự chênh lệch của tỉ giá hối đoái do không sử dụng tới ngoại tệ.

4.3. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
I	I. Cơ cấu tài sản		
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	90.27%	98.74%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	9.73%	1.26%
II	II. Cơ cấu nguồn vốn		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	20.59%	84.88%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	79.41%	15.12%

- Cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu vào tài sản ngắn hạn chiếm 90,27%, trong đó khoản mục đầu tư tài sản tài chính chiếm tỷ trọng chủ yếu là 48,91%.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng chủ yếu 79,41%, nợ phải trả chiếm 20,59% trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Với mục tiêu thay đổi cho phù hợp với tình hình hiện tại, Công ty đã thông qua một loạt các chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh năng suất và hoạt động hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí. Công ty ban hành chính sách lương thưởng theo hiệu suất, cơ cấu lại ban Tổng giám đốc, triển khai mạnh lại hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Bộ phận môi giới được nâng cấp chuyên môn cao thường xuyên. Hoạt động đầu tư, Công ty hướng tới các khoản đầu tư trung hạn và hiệu quả cao.

6. Kế hoạch phát triển trong năm 2019

6.1. Mục tiêu chính trong năm 2019

Với số lỗ lũy kế tính đến hết tháng 12/2018 là 233,12 tỷ đồng, dự kiến công ty phải mất nhiều năm để có thể xóa khoản lỗ nói trên. Đồng thời, với số lỗ lũy kế này cũng là lý do chính gây khó khăn cho công ty trong việc thực hiện các nghiệp vụ hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, cũng như trong việc phát triển khách hàng. Với lý do đó, mục tiêu chính trong năm 2019 được đề ra như sau:

- Thực hiện tái cấu trúc vốn nhằm xây dựng năng lực tài chính mạnh, tạo bước đà thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục thực hiện thanh toán và hoán đổi các khoản đầu tư dài hạn nhằm nâng cao lượng tiền mặt phục vụ cho các hoạt động dịch vụ và nắm bắt cơ hội đầu tư khi thị trường diễn biến thuận lợi.
- Tìm kiếm cơ hội tăng doanh thu, cắt giảm chi phí nhằm cân đối thu chi.

6.2. Kế hoạch tài chính năm 2019

Mặc dù tình hình giao dịch thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn từ những ngày đầu tiên của năm 2018, tuy nhiên, dựa trên nền tảng của việc đổi mới và bổ sung lực lượng kinh doanh có năng lực và kinh nghiệm, đồng thời phát huy những thế mạnh và tích lũy đã được triển khai trong cuối năm 2019, Ban điều hành ORS mạnh dạn xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

Đvt: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2018	KH 2019
I- DOANH THU HOẠT ĐỘNG	396,216	80,000
II- CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	376,749	7,600
III- CHI PHÍ QUẢN LÝ	8,805	21,460
IV- LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(10,662)	50,940

6.3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được chấp thuận toàn phần.

III. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chung về cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phiếu : Phổ thông và tự do chuyển nhượng

2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 21/12/2018):

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	3	4,899,300	20.41
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5%	715	19,100,700	79.59
Tổng cộng		718	24,000,000	100.00

Cơ cấu cổ đông theo địa lý:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước:	715	23,997,299	99.99
	- Cá nhân	709	22,186,289	92.44
	- Tổ chức	6	1,811,010	7.55
II	Nước ngoài:	3	2,701	0.01
	- Cá nhân	3	2,701	0.01
	- Tổ chức	0	0	0.00
Tổng cộng		718	24.000.000	100.00

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tính tới thời điểm lập báo cáo này, công ty đã và đang thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ từ phát hành riêng lẻ cho một số cổ đông cá nhân có năng lực tài chính và mong muốn đầu tư hỗ trợ cho công ty để cải thiện tình trạng tài chính do phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu từ kết quả xét xử vụ án Huỳnh Thị Huyền Như, hồ sơ tăng

vốn đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước nhận đầy đủ và chấp thuận. Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 160 tỷ đồng, tương đương phát hành thêm 16.000.000 cổ phần.

4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5. **Các chứng khoán khác:** Không có

6. **Hoạt động quan hệ cổ đông trong năm 2018**

- Năm 2018, ORS vẫn duy trì và thực hiện tốt các hoạt động liên quan tới cổ đông. Bộ phận quan hệ cổ đông được thành lập, chuyên trách xử lý các vấn đề liên quan tới cổ đông, điều này góp phần cho việc minh bạch hóa thông tin tới cổ đông, các cơ quan chức năng và cộng đồng nhà đầu tư.
- Hoạt động công bố thông tin: Các thông tin liên quan tới toàn bộ hoạt động kinh doanh của ORS được công bố nhanh chóng, kịp thời trên website của ORS và các kênh thông tin theo quy định, thông tin được truyền tải tới cổ đông nhanh chóng, chính xác và nắm bắt kịp thời.
- Hoạt động cung cấp thông tin theo yêu cầu: Các thông tin thắc mắc của cổ đông yêu cầu và phù hợp với quy định về quyền hạn của cổ đông đều được ORS cung cấp và thông báo kịp thời cho cổ đông đúng thời gian quy định.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2018**

1.1. **Kinh tế Việt Nam năm 2018**

- Năm 2018 là năm khá ấn tượng của kinh tế Việt Nam với các điểm nhấn về hội nhập kinh tế quốc tế khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực. Đây cũng là năm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm.
- Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc trên cả ba khu vực sản xuất, cung - cầu của nền kinh tế cùng song hành phát triển. Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017 - mức tăng cao nhất 11 năm qua.
- GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu 6,7% đặt ra là kết quả sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Xét về góc độ sử dụng GDP năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% so với năm 2017; tích lũy tài sản tăng 8,22%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%.

- Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế được cải thiện rõ nét. Tăng trưởng kinh tế dần chuyển dịch theo chiều sâu, tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 43,5%, bình quân giai đoạn 2016-2018 đạt 43,3%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,6% của giai đoạn 2011-2015. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện/GDP năm 2018 đạt 33,5%, đảm bảo mục tiêu Quốc hội đề ra từ 33-34%.
- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thể hiện qua chỉ số ICOR đang dần được cải thiện, từ mức 6,42 năm 2016 giảm xuống còn 6,11 năm 2017 và ước tính năm 2018 là 5,97, bình quân giai đoạn 2016-2018 hệ số ICOR ở mức 6,17, thấp hơn mức 6,25 của giai đoạn 2011-2015.
- Độ mở của nền kinh tế ngày càng lớn, năm 2018 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ so với GDP đạt 208,6%, điều này chứng tỏ Việt Nam khai thác được thế mạnh của kinh tế trong nước đồng thời tranh thủ được thị trường thế giới.
- Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá. GDP theo giá hiện hành năm 2018 đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần quy mô GDP năm 2011. GDP bình quân đầu người năm 2018 ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017.
- Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%.
- Một số chỉ tiêu kinh tế khác đã cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế: Theo báo cáo của Nikkei, tâm lý kinh doanh vẫn rất lạc quan khi chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) luôn ở mức mở rộng. Chỉ số này tăng từ mức 51,6 điểm trong tháng 3, tăng cao 55,7 điểm trong tháng 6 và đạt đỉnh 56,5 điểm trong tháng 11. Kết quả này báo hiệu sự cải thiện mạnh mẽ sức khỏe của lĩnh vực sản xuất và các điều kiện kinh doanh đã tăng suốt từ tháng 1/2016. Cũng theo Nikkei, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tiếp tục tăng trong tháng 11, khuyến khích các nhà sản xuất tăng sản lượng, tạo thêm nhiều việc làm mới.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2018 giảm 0,25% so với tháng trước; CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.
- Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng

phức tạp, khó lường. Đồng thời, với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp.

- Như vậy có thể nói, năm 2018 khép lại với những con số rất ấn tượng, khẳng định 2018 là một năm thành công của kinh tế Việt Nam. Điều này sẽ tạo tiền đề, hỗ trợ tích cực hơn cho kinh tế Việt Nam 2019.

1.2. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018

- Lần đầu tiên chỉ số chứng khoán lạc nhịp sau 5 năm liên tiếp tăng trưởng cao. Thị trường chứng khoán Việt Nam 2018 chứng kiến tình trạng biến động mạnh nhất trong 10 năm kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Đây là năm đầu tiên thị trường chứng khoán suy giảm, sau 5 năm liên tiếp trước đó chỉ số chứng khoán song hành với đà tăng trưởng của nền kinh tế, đạt mức tăng trưởng cao, có năm lên đến 47% (năm 2017).
- Trong năm 2018, VN-Index từng lập đỉnh cao mới trong lịch sử ở mức 1.211 điểm (ngày 10/4/2018), nhưng sau đó lại có quá trình sụt giảm mạnh 27% xuống đáy 888 điểm (ngày 30/10/2018). Thị trường chứng khoán "lạc nhịp" trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất 10 năm xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan như tình trạng căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, cũng như xu hướng tăng tốc bình thường hóa lãi suất của các ngân hàng trung ương trên toàn cầu. Trong nước, nền kinh tế giữ đà tăng trưởng cao và nội lực các doanh nghiệp niêm yết tiếp tục được củng cố khi khối doanh nghiệp này dự kiến sẽ tăng trưởng trên 20% năm 2018. Đây là những yếu tố nền tảng để có thể kỳ vọng năm 2019, thị trường chứng khoán sẽ trở lại nhịp tăng trưởng song hành cùng nền kinh tế Việt Nam.

1.3. Kết quả kinh doanh năm 2018

Kết quả kinh doanh năm 2018 của ORS tuy chưa lãi nhưng cũng đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ giao. Kết quả này đạt được nhờ vào các yếu tố như sau:

- (1) Quá trình tái cơ cấu hoạt động của ORS đã đạt được những hiệu quả nhất định. Cụ thể, hoạt động môi giới và tư vấn tài chính doanh nghiệp đã bước đầu gặt hái được những hiệu quả khả quan;
- (2) Sự lãnh đạo, chỉ đạo và đưa ra những quyết sách kịp thời của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã từng bước cải thiện được hoạt động của ORS;
- (3) Sự nhiệt thành trong công việc của tập thể cán bộ nhân viên ORS. Chính các yếu tố trên đã giúp ORS dần đi vào ổn định, làm tiền đề cho sự phục hồi ổn định, bền vững và thực hiện các chiến lược dài hạn.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của ORS tuy không quá khả quan nhưng cơ bản cũng đã hoàn thành mục tiêu đã đặt ra với doanh thu đạt 20,59 tỷ đồng, tăng 15% so với năm

2017. Lợi nhuận sau thuế lỗ 10,66 tỷ đồng, tương đương kế hoạch (lỗ 10,49 tỷ) đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua. Điều này phần nào cho thấy kết quả tái cơ cấu hoạt động ORS đã bước đầu đạt được những kết quả nhất định và lộ trình thực hiện đang đi đúng định hướng đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2018, HĐQT tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa quy trình và tăng cường giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) nhằm đảm bảo hoạt động của ORS được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và HĐQT; hoạt động cụ thể như sau:

- Ban TGD đã kịp thời triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ về chính sách Quản lý rủi ro trong hoạt động của ORS;
- Thực hiện di dời Trụ sở văn phòng công ty;
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của Quy chế chi hoa hồng, quy chế lương và chi thường vượt kế hoạch kinh doanh tại ORS,
- Thực hiện tái cấu trúc để cơ cấu tổ chức hoạt động có kiểm soát và hiệu quả,
- Ban TGD đã thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền liên quan đến tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của ORS, chủ động và kịp thời đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty,
- Ban TGD đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình với ĐHĐCĐ và HĐQT một cách kịp thời, đầy đủ, đúng quy định,
- Hoạt động công bố thông tin cũng được thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch,
- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban TGD nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch đề ra và các điều chỉnh khi cần thiết nhằm hỗ trợ và chỉ đạo xử lý kịp thời để đạt được các mục tiêu kinh doanh.

Qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ cũng như báo cáo theo yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. Chiến lược phát triển trong thời gian tới:

Tái cấu trúc toàn diện hoạt động của ORS, theo đó:

- Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo đủ điều kiện phát triển kinh doanh của Công ty. Tăng năng lực cạnh tranh và thích ứng với những biến động của thị trường;
- Thay đổi tên Công ty, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu; đẩy mạnh công tác truyền thông quảng bá hình ảnh của công ty, tích cực tìm kiếm các cơ hội, mở rộng mối quan

hệ nhằm kết nối với các khách hàng tiềm năng, tìm kiếm cơ hội tăng doanh thu. Tập trung theo định hướng ưu tiên phát triển khách hàng cá nhân và tổ chức trong nước, tranh thủ hợp tác với các đối tác để từng bước tiếp cận và phát triển khách hàng nước ngoài;

- Hoàn thiện bộ máy nhân sự, đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với các cấp quản lý, tăng cường công tác đào tạo nội bộ về chuyên môn nghiệp vụ, các chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp;
- Hoàn thiện mô hình quản trị trên quan điểm hiệu quả; điều hành theo phân cấp; kiểm soát độc lập nhằm đáp ứng kịp thời những biến động phát sinh trong quá trình hoạt động;
- Hoàn thiện nền tảng công nghệ, nâng cấp hệ thống giao dịch, đa dạng hóa sản phẩm chiến lược, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng giao dịch, trên cơ sở đảm bảo an toàn cho công ty. Cải tiến và bổ sung các chức năng và tiện ích trên itrade, mobile,... nhằm kích thích khách hàng giao dịch và thu hút thêm các khách hàng mới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên và thống kê các cuộc họp HĐQT tính đến ngày 31/12/2018 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Trương Văn Toa	Thành viên HĐQT	1/4	25%	Vắng mặt, không ủy quyền
3	Bà Phan Thị Thảo	Thành viên HĐQT.	4/4	100%	
4	Ông Vũ Hải Bình	Thành viên HĐQT	0/4	0%	Vắng mặt, ĐHCĐ đã miễn nhiệm từ ngày
5	Ông Diệp Trí Minh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

b) Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

Các Nghị quyết/quyết định được HĐQT đưa ra năm 2018:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT	11/04/2018	Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
2	02/2018/NQ-HĐQT	04/10/2018	Chốt DS cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản.
3	03/2018/NQ-HĐQT	26/12/2018	Xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ TPBank.
4	01/2018/QĐ-HĐQT	30/05/2018	Thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty.
5	02/2018/QĐ-HĐQT	26/10/2018	Hủy không thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
6	03/2018/QĐ-HĐQT	01/11/2018	Sửa đổi bổ sung quy chế chi hoa hồng giới thiệu dự án và thưởng vượt kế hoạch kinh doanh.
7	04/2018/QĐ-HĐQT	29/11/2018	Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.

c) Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018:

- HĐQT đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ;
- Sự tách biệt vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban TGD nhằm đảm bảo sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT;
- HĐQT duy trì hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ của ORS và quy định của pháp luật, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.

d) Hoạt động của Chủ tịch HĐQT:

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp

- Triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT

e) Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

f) Tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

g) Hoạt động của các bộ phận trực thuộc HĐQT:

HĐQT đã bổ nhiệm nhân sự phụ trách Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro. Các nhân sự này hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty.

h) Danh sách các Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty:

Không có

i) Định hướng hoạt động Hội đồng quản trị năm 2019:

- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống quy trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của ORS an toàn và tuân thủ các quy định của ORS và pháp luật,
- Tập trung chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật,
- Nâng cao công tác quản trị công ty, cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán, quản lý rủi ro công ty thông qua việc nâng cao năng lực và hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT,
- Tái cấu trúc toàn diện ORS, cơ cấu tổ chức, hoàn thiện bộ máy hoạt động, nâng cao năng lực quản trị điều hành trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh; đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng, xây dựng văn hóa công ty hiện đại chuyên nghiệp,
- Tập trung củng cố và đẩy mạnh phát triển các hoạt động kinh doanh có hiệu quả, phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, cải tiến và bổ sung các tiện ích sử dụng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng giao dịch,
- Tăng cường truyền thông quảng bá hình ảnh công ty nhằm nâng cao cơ hội tìm kiếm, kết nối khách hàng, mở rộng mối quan hệ nhằm kết nối khách hàng, tích cực phát triển khách hàng,

- Theo dõi sát sao diễn biến thị trường, chủ động dự báo các biến động rủi ro từ thị trường, chỉ đạo Ban TGD thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nội dung trong nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ để đáp ứng kịp thời các mục tiêu hoạt động kinh doanh.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Sở hữu cổ phần ORS (%)
01	Huỳnh Việt Hà	Trưởng ban	0%
02	Dương Đình Lai	Thành viên	0%
03	Lê Thị Phương Anh	Thành viên	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã giám sát đa số các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.
- Phối hợp với Ban Điều hành giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018.
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế, Quy trình nội bộ...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với số tiền chi trả nằm trong kế hoạch thù lao năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Kể từ ngày 01/01/2018 đến thời điểm lập báo cáo này không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn, riêng việc phát hành chào bán riêng lẻ cho 02 cổ đông cá nhân trong nước chưa được giao dịch chính thức nên chưa ghi nhận trong báo cáo này.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hoạt động quản trị công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2018

1. Thông tin chung:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

*Giấy chứng nhận đăng
ký kinh doanh điều
chỉnh số*

Ngày

Nội dung thay đổi

72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Dời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
90/GPĐC-UBCK	26/10/2018	Dời trụ sở chính về Tầng 03, số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn phát hành trái phiếu.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 03, số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 240.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 56.884.409.858 VND, tổng tài sản là 71.634.059.656 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam với hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn phát hành trái phiếu. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về hạn chế đầu tư theo các quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm là Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐQT có hiệu lực từ ngày 18 tháng 1 năm 2017 đã bầu bà Phạm Thị Quỳnh Trang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ký ngày 21/04/2017. Ngày 09/01/2019, Bà Phạm Thị Quỳnh Trang đã từ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng vẫn là người đại diện theo pháp luật Công ty. Cùng ngày từ nhiệm Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Hội đồng quản trị bầu bổ sung Ông Trần Sơn Hải làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT ký ngày 09/01/2019 và được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐBT ký ngày 11/01/2019.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã có thay đổi Chủ tịch và Trụ sở chính của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt là công ty kiểm toán cho Công ty.

2. Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán

Bao gồm các báo cáo sau được trích dẫn trực tiếp từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán và không được đánh số thứ tự trang tiếp theo.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo tình hình tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo thường niên năm 2018 được lập
Tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019**

**Người đại diện pháp luật
Thành viên Hội đồng quản trị**



PHẠM THỊ QUỲNH TRANG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MS

S.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Trần Sơn Hải	Chủ tịch	9/01/2019	
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	18/01/2017	9/01/2019
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Thành viên	9/01/2019	
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	20/6/2016	
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	18/01/2017	
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	20/6/2016	
Ông Vũ Hải Bình	Thành viên độc lập	20/6/2016	31/7/2018
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Huỳnh Việt Hà	Trưởng ban	17/10/2017	
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	20/6/2016	
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	20/6/2016	
<u>Ban Tổng giám đốc</u>			
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	18/01/2017	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị



PHẠM THỊ QUỲNH TRANG

Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện pháp luật

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được lập ngày 01 tháng 02 năm 2019, từ trang 6 đến trang 49, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

Vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo này rằng: Trong năm, Công ty đã xử lý khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong sau khi thỏa thuận với Công ty Cổ phần mua bán nợ Thế Hệ Mới (xem Thuyết minh số V.11). Tùy thuộc vào nhận định của các bên liên quan mà có ý kiến khác nhau về vấn đề này.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HAI – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

11/2/19
Y
S
H
1
G
M

10/1
T
J
1
1/19

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		64.667.620.126	447.796.686.087
I. Tài sản tài chính	110		64.348.447.235	447.733.902.976
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	19.245.318.486	399.014.392.685
1.1. Tiền	111.1		1.145.318.486	2.114.392.685
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		18.100.000.000	396.900.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	20.034.380.770	22.041.771.520
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	15.000.000.000	20.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	V.3c	75.000.000	1.813.320.035
5. Các khoản phải thu	117		37.771.740.530	41.876.445.725
5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	37.510.206.284	40.960.206.284
5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4b	261.534.246	916.239.441
5.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	567.326.941
5.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		261.534.246	348.912.500
6. Trả trước cho người bán	118	V.4c	-	990.000
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4d	9.732.213.733	1.551.399.835
8. Các khoản phải thu khác	122	V.4e	378.952.109.802	4.646.400
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.5	(416.462.316.086)	(38.569.063.224)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		319.172.891	62.783.111
1. Tạm ứng	131		32.400.000	25.720.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6a	286.772.891	37.063.111
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		6.966.439.530	5.727.339.453
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		597.762.575	707.693.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	522.349.231	599.960.409
Nguyên giá	222		4.705.754.529	4.871.484.295
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.183.405.298)	(4.271.523.886)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	75.413.344	107.733.340
Nguyên giá	228		7.174.617.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.099.204.220)	(7.066.884.224)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		136.740.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		6.231.936.955	5.019.645.704
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9	306.387.800	306.387.800
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6b	2.003.074.175	932.764.846
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.10	3.922.474.980	3.780.493.058
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		71.634.059.656	453.524.025.540

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		14.749.649.798	384.929.724.715
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		14.749.649.798	384.929.724.715
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.11	8.050.000.000	380.000.000.000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	320		404.244.067	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.12	2.835.926.128	1.343.744.385
4. Phải trả người lao động	323		713.967.677	4.470.642
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.13	1.085.085.614	784.645.911
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.14	1.660.426.312	2.796.629.659
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	234.118
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		56.884.409.858	68.594.300.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		56.884.409.858	68.594.300.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	290.000.000.000	290.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		240.000.000.000	240.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	411.1a		240.000.000.000	240.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	1.047.890.198
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.16	(233.115.590.142)	(222.453.589.373)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(231.299.350.642)	(222.548.691.902)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	417.2		(1.816.239.500)	95.102.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		71.634.059.656	453.524.025.540

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.17a	1.058.856.940	-
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.15	24.000.000	24.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.17b	19.806.970.000	10.361.360.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.17c	3.000.000.000	4.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.17d	1.175.217.350.000	873.264.800.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		757.731.600.000	583.279.590.000
b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		416.911.450.000	285.913.810.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		574.300.000	4.071.400.000
2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	V.17e	-	2.956.500.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	V.17f	12.270.969.020	23.067.607.138
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		12.270.969.020	23.067.607.138
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.17g	12.270.969.020	23.067.607.138
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		12.209.825.528	22.980.006.841
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		61.143.492	87.600.297
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.17h	1.620.849.159	1.774.042.159

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019



PHẠM THỊ QUỲNH TRANG
Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện pháp luật

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**MÁU B02-CTCK**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		4.654.762.055	8.664.648.325
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1	3.126.614.196	553.721.548
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VI.2	681.878.359	8.040.432.177
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.3	846.269.500	70.494.600
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	1.592.574.101	1.823.470.496
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.4	75.955.770	108.783.399
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.5	9.027.213.952	4.190.361.438
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.5	4.660.000.000	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.5	-	1.879.500.000
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.5	399.837.772	307.813.725
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.5	84.673	501.363.636
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.5	178.000.000	383.574.310
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		20.588.428.323	17.859.515.329
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		10.353.318.505	8.149.812.125
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1	7.760.098.117	7.436.426.825
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.2	2.593.220.388	713.385.300
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	VI.6	378.422.832.026	-
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.6	1.191.613.120	1.230.375.336
2.4. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.6	7.440.227.643	3.564.940.224
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.6	578.185.830	563.184.064
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.6	24.000.000	141.495.976
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		398.010.177.124	13.649.807.725
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.7	329.469.985	434.916.676
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		329.469.985	434.916.676
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		1.191.781	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		1.191.781	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	8.805.005.755	7.581.300.017
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		(385.898.476.352)	(2.936.675.737)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71		375.299.974.977	298.519.845
8.2. Chi phí khác	72		63.499.394	354.688.671
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.9	375.236.475.583	(56.168.826)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
9.1. Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện	91		(8.750.658.740)	(10.319.891.440)
9.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	92		(1.911.342.029)	7.327.046.877
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.10	-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.10	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		-	-
13.1. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.11a	(444)	(125)
13.2. Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.11b	(444)	(125)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019



PHẠM THỊ QUỲNH TRANG
Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện pháp luật

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B03b-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		377.983.441.571	169.519.644
- Khấu hao TSCĐ	03		300.093.649	518.432.144
- Các khoản dự phòng	04		377.893.252.862	-
- Chi phí lãi vay	06		1.191.781	-
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		50.437.525	-
- Dự thu tiền lãi	08		(261.534.246)	(348.912.500)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		2.593.220.388	713.385.300
Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		2.593.220.388	713.385.300
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(681.878.359)	(8.040.432.177)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(681.878.359)	(8.040.432.177)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(748.624.517.030)	10.319.327.585
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		96.048.721	5.733.323.177
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		5.000.000.000	1.000.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		1.738.320.035	(1.630.007.740)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		3.450.000.000	(2.566.600.000)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		916.239.441	359.394.444
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(8.180.813.898)	(1.642.437.781)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(378.947.463.402)	7.075.684.327
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(148.661.922)	244.869.026
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(372.293.440.546)	292.214.210
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(1.320.019.109)	314.121.024
- (-) Lãi vay đã trả	44		(1.191.781)	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		990.000	17.260.100
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(175.500)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		1.492.181.743	1.144.285.497
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		709.497.034	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(1.136.203.346)	(22.603.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(379.391.734.199)	168.955.789
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(407.340.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		30.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(377.340.000)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		5.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(5.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(379.769.074.199)	168.955.789

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	399.014.392.685	398.845.436.896
- Tiền	101.1		2.114.392.685	15.845.436.896
- Các khoản tương đương tiền	101.2		396.900.000.000	383.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	19.245.318.486	399.014.392.685
- Tiền	103.1		1.145.318.486	2.114.392.685
- Các khoản tương đương tiền	103.2		18.100.000.000	396.900.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**

1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		759.777.556.900	682.448.542.700
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(523.382.672.500)	(737.370.675.200)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		276.933.825.962	421.935.581.141
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(523.805.320.766)	(363.410.314.837)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(320.027.714)	(305.455.928)
6. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	25.216.400
7. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	(26.260.588)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(10.796.638.118)	3.296.633.688
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.17f	23.067.607.138	19.770.973.450
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		23.067.607.138	19.770.973.450
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		23.067.607.138	19.770.973.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	V.17f	12.270.969.020	23.067.607.138
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		12.270.969.020	23.067.607.138
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.270.969.020	23.067.607.138

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**PHẠM THỊ QUỲNH TRANG**

Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện pháp luật

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B04-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối năm	
		01/01/2017	01/01/2018	Năm 2017		Năm 2018		31/12/2017	31/12/2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.15	290.000.000.000	290.000.000.000	-	-	-	-	290.000.000.000	290.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	(1.047.890.198)	1.047.890.198	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.16	(219.460.744.810)	(222.453.589.373)	7.327.046.877	(10.319.891.440)	-	(10.662.000.769)	(222.453.589.373)	(233.115.590.142)
3.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)		(212.228.800.462)	(222.548.691.902)	-	(10.319.891.440)	-	(8.750.658.740)	(222.548.691.902)	(231.299.350.642)
3.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện		(7.231.944.348)	95.102.529	7.327.046.877	-	-	(1.911.342.029)	95.102.529	(1.816.239.500)
Cộng		71.587.145.388	68.594.300.825	7.327.046.877	(10.319.891.440)	-	(11.709.890.967)	68.594.300.825	56.884.409.858
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng									

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019



PHẠM THỊ QUỲNH TRANG
Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện pháp luật

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên tiếng nước ngoài là Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 240.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-028) 3911 8014
Fax : (84-028) 3911 8015
Mã số thuế : 0304814339

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định rút nghiệp vụ tự doanh chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông theo Quyết định số 880/QĐ-UBCK.

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ hoạt động giao dịch mua chứng khoán trên thị trường cổ phiếu niêm yết và thị trường đăng ký giao dịch đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 theo các Quyết định số 802/QĐ-SGDHN và Quyết định số 513/QĐ-SGDHCM.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 18 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 20 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Hội đồng quản trị chấp nhận. Cụ thể:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
 - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục “Chi phí hoạt động”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê hoạt động

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đường truyền dẫn và chi phí khác.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

14. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền	1.145.318.486	2.114.392.685
Tiền mặt tại quỹ	11.588.733	1.145.837
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.133.729.753	2.113.246.848
Các khoản tương đương tiền (i)	18.100.000.000	396.900.000.000
<i>Trong đó, tiền gửi kỳ hạn ngân hàng quá hạn (ii)</i>	-	380.000.000.000
Cộng	19.245.318.486	399.014.392.685

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,5% /năm (năm 2017: 5,5%/năm).

(ii) Đây là khoản tiền liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm theo Bản án số 219/2018/HS-PT bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền này đã được phản ánh trên chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (xem Thuyết minh số V.4e).

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa CTCK	3.325.061	65.720.535.200
Cổ phiếu	3.325.061	65.720.535.200
b) Cửa Nhà đầu tư	132.190.980	2.010.609.454.000
Cổ phiếu	132.190.980	2.010.609.454.000
Cộng	135.516.041	2.076.329.989.200

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	18.850.620.270	17.034.380.770	17.646.668.991	17.771.771.520
Công ty Cổ phần DV Du lịch Phú Thọ	1.170.000.000	1.215.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	-	1.386.980.000	1.204.000.000
Công ty Cổ phần DV&XD Địa ốc Đất Xanh	2.877.000.000	2.380.000.000	1.435.687.000	1.724.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	5.812.227.363	4.538.400.000	1.250.118.750	1.102.500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	4.740.000.000	4.800.000.000	1.593.750.000	1.434.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	610.000.000	937.000.000
Công ty Cổ phần Gemadept	-	-	2.199.750.000	2.007.500.000
Công ty Cổ phần xây dựng COTEC	-	-	6.718.400.000	6.795.000.000
Công ty Cổ phần BAMBOO CAPITAL	2.922.166.795	2.770.000.000	2.437.110.095	2.560.550.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.320.000.000	1.329.000.000	-	-
Các công ty khác	9.226.112	1.980.770	14.873.146	7.221.520
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	4.300.000.000	4.270.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	2.970.000.000
Cộng	21.850.620.270	20.034.380.770	21.946.668.991	22.041.771.520

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Bản Việt	15.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	15.000.000.000	20.000.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 7%/năm (năm 2017: 7,2%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

e) Các khoản cho vay

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	75.000.000	75.000.000	1.813.320.035	1.813.320.035
Cộng	75.000.000	75.000.000	1.813.320.035	1.813.320.035

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

	31/12/2018					31/12/2017				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tài sản tài chính FVTPL	21.850.620.270	20.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	20.034.380.770	21.946.668.991	22.041.771.520	817.461.975	(722.359.446)	22.041.771.520
Cổ phiếu niêm yết	18.850.620.270	17.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	17.034.380.770	17.646.668.991	17.771.771.520	817.461.975	(692.359.446)	17.771.771.520
Công ty Cổ phần DV Du lịch Phú Thọ	1.170.000.000	1.215.000.000	45.000.000	-	1.215.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	-	-	-	-	1.386.980.000	1.204.000.000	-	(182.980.000)	1.204.000.000
Công ty Cổ phần DV&XD Địa ốc Đất Xanh	2.877.000.000	2.380.000.000	-	(497.000.000)	2.380.000.000	1.435.687.000	1.724.000.000	288.313.000	-	1.724.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	5.812.227.363	4.538.400.000	-	(1.273.827.363)	4.538.400.000	1.250.118.750	1.102.500.000	-	(147.618.750)	1.102.500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	4.740.000.000	4.800.000.000	60.000.000	-	4.800.000.000	1.593.750.000	1.434.000.000	-	(159.750.000)	1.434.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	-	-	-	610.000.000	937.000.000	327.000.000	-	937.000.000
Công ty Cổ phần Gemadept	-	-	-	-	-	2.199.750.000	2.007.500.000	-	(192.250.000)	2.007.500.000
Công ty Cổ phần xây dựng Cotec	-	-	-	-	-	6.718.400.000	6.795.000.000	76.600.000	-	6.795.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	2.922.166.795	2.770.000.000	-	(152.166.795)	2.770.000.000	2.437.110.095	2.560.550.000	123.439.905	-	2.560.550.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	1.320.000.000	1.329.000.000	9.000.000	-	1.329.000.000	-	-	-	-	-
Các công ty khác	9.226.112	1.980.770	395.293	(7.640.635)	1.980.770	14.873.146	7.221.520	2.109.070	(9.760.696)	7.221.520
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	4.300.000.000	4.270.000.000	-	(30.000.000)	4.270.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	-	-	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2018					31/12/2017				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	Chênh lệch đánh giá giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	2.970.000.000	-	(30.000.000)	2.970.000.000
<i>Các khoản đầu tư HTM</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
<i>Các khoản cho vay</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>75.000.000</i>	<i>1.813.320.035</i>	<i>1.813.320.035</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.813.320.035</i>
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	75.000.000	75.000.000	-	-	75.000.000	1.813.320.035	1.813.320.035	-	-	1.813.320.035
Cộng	36.925.620.270	35.109.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	35.109.380.770	43.759.989.026	43.855.091.555	817.461.975	(722.359.446)	43.855.091.555

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	31/12/2018	31/12/2017
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	37.510.206.284	40.960.206.284
Phải thu hợp đồng hỗ trợ thanh toán (i)	37.510.206.284	37.510.206.284
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	<i>37.510.206.284</i>	<i>37.510.206.284</i>
Phải thu bán các TSTC khác	-	3.450.000.000
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	<i>-</i>	<i>450.000.000</i>
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	261.534.246	916.239.441
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	567.326.941
<i>Trong đó, phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (xem Thuyết minh số V.5b)</i>	<i>-</i>	<i>567.326.941</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	261.534.246	348.912.500
c) Trả trước cho người bán	-	990.000
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	9.732.213.733	1.551.399.835
Phải thu hoạt động dịch vụ	5.220.113.733	112.269.835
Phải thu dịch vụ khác	4.512.100.000	1.439.130.000
<i>Trong đó, phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp (xem Thuyết minh số V.5c)</i>	<i>-</i>	<i>41.530.000</i>
e) Các khoản phải thu khác	378.952.109.802	4.646.400
Bà Huỳnh Thị Huyền Như (ii)	378.952.109.802	-
Các khoản phải thu khác	-	4.646.400
Cộng	426.456.064.065	43.433.481.960

(i) Đây là các khoản phải thu theo các Hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Đây là khoản tiền liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm theo Bản án số 219/2018/HS-PT bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã quyết định sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với số tiền là 1.047.890.198 VND để bù đắp khoản thiệt hại của khoản tiền gửi này, số tiền còn lại sau khi bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 378.952.109.802 VND đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này (xem Thuyết minh số V.5a).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	31/12/2018				01/01/2018
			01/01/2018	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	31/12/2018	
a) Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	37.510.206.284	V.4a	37.960.206.284	-	450.000.000	37.510.206.284	37.960.206.284
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284		37.510.206.284	-	-	37.510.206.284	37.510.206.284
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-		450.000.000	-	450.000.000	-	450.000.000
b) Dự phòng khó đòi phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	V.4b	567.326.941	-	567.326.941	-	567.326.941
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-		79.277.777	-	79.277.777	-	79.277.777
Khách hàng cá nhân	-		488.049.164	-	488.049.164	-	488.049.164
c) Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	378.952.109.802	V.4d	41.529.999	378.952.109.802	41.529.999	378.952.109.802	41.529.999
Công ty Cổ phần Khoán sản Hòa Bình	-		41.529.999	-	41.529.999	-	41.529.999
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	378.952.109.802		-	378.952.109.802	-	378.952.109.802	-
Cộng	416.462.316.086		38.569.063.224	378.952.109.802	1.058.856.940	416.462.316.086	38.569.063.224

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2018	31/12/2017
a) Ngắn hạn	286.772.891	37.063.111
Chi phí thuê đường truyền dẫn	34.557.300	6.280.560
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	9.827.550	10.307.551
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	242.388.041	20.475.000
b) Dài hạn	2.003.074.175	932.764.846
Chi phí cải tạo văn phòng	1.377.828.811	391.564.596
Chi phí vật dụng văn phòng	269.412.145	358.334.760
Chi phí thuê đường truyền dẫn	193.333.219	83.763.426
Các chi phí trả trước dài hạn khác	162.500.000	99.102.064
Cộng	2.289.847.066	969.827.957

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2018	386.100.000	940.454.545	3.544.929.750	4.871.484.295
Tăng trong năm	270.600.000	-	-	270.600.000
Giảm trong năm	386.100.000	-	50.229.766	436.329.766
31/12/2018	270.600.000	940.454.545	3.494.699.984	4.705.754.529
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2018	217.181.250	509.412.886	3.544.929.750	4.271.523.886
Tăng trong năm	111.031.225	156.742.428	-	267.773.653
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>111.031.225</i>	<i>156.742.428</i>	<i>-</i>	<i>267.773.653</i>
Giảm trong năm	305.662.475	-	50.229.766	355.892.241
31/12/2018	22.550.000	666.155.314	3.494.699.984	4.183.405.298
Giá trị còn lại				
01/01/2018	168.918.750	431.041.659	-	599.960.409
31/12/2018	248.050.000	274.299.231	-	522.349.231
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
01/01/2018	-	-	3.544.929.750	3.544.929.750
31/12/2018	-	-	3.544.929.750	3.544.929.750

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Nguyên giá	7.174.617.564	-	-	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	7.066.884.224	32.319.996	-	7.099.204.220
Giá trị còn lại	107.733.340	32.319.996	-	75.413.344

Nguyên giá của TSVH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá	<u>7.013.017.564</u>	<u>7.013.017.564</u>
------------	----------------------	----------------------

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Ký quỹ thuê văn phòng	298.387.800	298.387.800
Ký quỹ sử dụng taxi	8.000.000	8.000.000
Cộng	306.387.800	306.387.800

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.660.493.058	3.536.309.184
Tiền lãi phân bổ trong năm	219.394.377	209.596.965
Tiền lãi nhận được	(77.412.455)	(85.413.091)
Cộng	3.922.474.980	3.780.493.058

11. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	-	380.000.000.000
Công ty Cổ phần mua bán nợ Thế Hệ Mới (ii)	5.200.000.000	-
Phải trả các đối tượng khác	2.850.000.000	-
Cộng	8.050.000.000	380.000.000.000

(i) Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua bán trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Khoản tiền này đã được TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên án phúc thẩm bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380 tỷ VND theo Bản án số 219/2018/HS-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 (xem Thuyết minh số V.4e). Trong năm, Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã bán khoản phải trả này cho Công ty Cổ phần mua bán nợ Thế Hệ Mới theo Thông báo số 1731/2018/TB/TPB-TB ngày 26 tháng 12 năm 2018, và Công ty đã xử lý khoản công nợ còn lại vào chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo hoạt động sau khi thỏa thuận phải trả 5.200.000.000 VND cho Công ty Cổ phần mua bán nợ Thế Hệ Mới với số tiền là 374.800.000.000 VND (xem Thuyết minh VI.9).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông phải trả theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần mua bán nợ Thế Hệ Mới để hoàn thành nghĩa vụ phải trả được trình bày tại (i) như trên.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT đầu ra	11.591.404	27.074.122	28.314.459	10.351.067
Thuế thu nhập cá nhân	1.332.152.981	3.691.338.115	2.197.916.035	2.825.575.061
<i>Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư</i>	<i>1.277.550.204</i>	<i>3.144.943.880</i>	<i>1.880.094.850</i>	<i>2.542.399.234</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên</i>	<i>54.602.777</i>	<i>546.394.235</i>	<i>317.821.185</i>	<i>283.175.827</i>
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	1.343.744.385	3.721.412.237	2.229.230.494	2.835.926.128

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

13. Chi phí phải trả

	31/12/2018	31/12/2017
Chi phí dịch vụ chuyên môn	97.000.000	210.000.000
Phí giao dịch, lưu ký	65.413.006	104.189.950
Chi phí thù lao HĐQT	709.599.002	451.000.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	213.073.606	19.455.961
Cộng	1.085.085.614	784.645.911

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả cổ tức, trái tức	1.640.261.659	1.793.454.659
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty</i>	<i>19.412.500</i>	<i>19.412.500</i>
<i>Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>1.620.849.159</i>	<i>1.774.042.159</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.164.653	1.003.175.000
Cộng	1.660.426.312	2.796.629.659

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018	31/12/2017
Vốn góp	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	290.000.000.000	290.000.000.000
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

Lỗ lũy kế đầu năm	(222.453.589.373)	(219.460.744.810)
Lỗ đã thực hiện trong năm	(8.750.658.740)	(10.319.891.440)
Lãi (lỗ) chưa thực hiện trong năm	(1.911.342.029)	7.327.046.877
Lỗ lũy kế cuối năm	(233.115.590.142)	(222.453.589.373)

17. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**a) Nợ khó đòi đã xử lý**

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	450.000.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	567.326.941	-
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	-
Cộng	1.058.856.940	-

b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		
Sàn HNX	-	1.403.370.000
Sàn HOSE	18.900.670.000	8.951.690.000
Sàn Upcom	906.300.000	6.300.000
Cộng	19.806.970.000	10.361.360.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (theo mệnh giá)		
	31/12/2018	31/12/2017
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	3.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	4.000.000.000
d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	757.731.600.000	583.279.590.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	416.911.450.000	285.913.810.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	574.300.000	4.071.400.000
Cộng	1.175.217.350.000	873.264.800.000
e) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)		
Cổ phiếu	-	2.956.500.000
Cộng	-	2.956.500.000
f) Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.270.969.020	23.067.607.138
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>12.209.825.528</i>	<i>22.980.006.841</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>61.143.492</i>	<i>87.600.297</i>
Cộng	12.270.969.020	23.067.607.138
g) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.209.825.528	22.980.006.841
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	61.143.492	87.600.297
Cộng	12.270.969.020	23.067.607.138
h) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.620.849.159	1.774.042.159

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
I	Lãi bán						
	Loại FVTPL					3.126.614.196	-
	<i>Năm 2018</i>			13.102.739.700	9.976.125.504	3.126.614.196	-
	BTT	10	34.750	347.500	327.500	20.000	-
	DIG	30	17.950	538.500	278.833	259.667	-
	DSP	10.000	14.000	140.000.000	130.000.000	10.000.000	-
	DXG	100.000	30.150	3.015.000.000	1.710.247.000	1.304.753.000	-
	HAG	20.000	6.260	125.200.000	124.994.138	205.862	-
	HNG	150.000	14.087	2.113.005.500	1.593.750.000	519.255.500	-
	HPG	20.000	58.750	1.175.007.000	610.000.000	565.007.000	-
	MAC	32	6.400	204.800	107.500	97.300	-
	NHC	10	32.000	320.000	-	320.000	-
	SIC	66	11.400	752.400	305.100	447.300	-
	STB	300.000	13.708	4.112.500.000	3.509.000.000	603.500.000	-
	STC	30	21.300	639.000	420.000	219.000	-
	VPB	49.310	49.062	2.419.225.000	2.296.695.433	122.529.567	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
	Năm 2017			22.972.199.300	22.418.477.752	-	553.721.548
	ACB	120.000	24.083	2.890.000.000	2.735.000.000	-	155.000.000
	BCG	35.000	7.070	247.447.100	205.539.405	-	41.907.695
	HAG	90.000	8.668	780.161.600	768.881.250	-	11.280.350
	HTI	115.000	22.930	2.636.922.500	2.546.431.104	-	90.491.396
	HNG	50.000	11.100	555.000.000	550.000.000	-	5.000.000
	GEX	250.000	21.074	5.268.400.000	5.064.330.000	-	204.070.000
	LCG	50.000	11.881	594.074.500	548.125.000	-	45.949.500
	STB	16	12.100	193.600	170.993	-	22.607
	OTC-DVCIMN	1.000.000	10.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
	Cộng					3.126.614.196	553.721.548
II	Lỗ bán						
	Loại FVTPL					(7.760.098.117)	(7.436.426.825)
	Năm 2018			18.988.987.300	23.749.085.417	(7.760.098.117)	-
	GMD	50.000	28.760	1.437.994.000	2.199.750.000	(761.756.000)	-
	HAG	50.000	6.760	338.000.000	372.523.750	(34.523.750)	-
	SD9	140.000	8.322	1.165.060.000	1.386.980.000	(221.920.000)	-
	VPB	100.690	46.114	4.643.181.000	4.689.804.567	(46.623.567)	-
	PVC	100.000	7.347	734.680.000	1.263.500.000	(528.820.000)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
	SD7	89	3.000	267.000	1.400.267	(1.133.267)	-
	QNC	124	3.400	421.600	1.713.500	(1.291.900)	-
	CSM	50	16.000	800.000	1.182.235	(382.235)	-
	BMC	10	14.400	144.000	197.916	(53.916)	-
	HAI	10	3.270	32.700	68.182	(35.482)	-
	CTD	40.000	153.598	6.143.907.000	8.353.172.000	(2.209.265.000)	-
	HDB	120.000	37.704	4.524.500.000	5.478.793.000	(954.293.000)	-
	Điều chỉnh giảm doanh thu bán cổ phiếu (OTC-DVCIMN)	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)	-
	Năm 2017			14.467.961.700	21.904.388.525	-	(7.436.426.825)
	ACB	100.000	22.500	2.250.000.000	2.454.000.000	-	(204.000.000)
	HT1	5.000	22.100	110.500.000	110.714.396	-	(214.396)
	PVB	465.000	11.653	5.418.680.000	12.083.034.300	-	(6.664.354.300)
	HNG	50.000	10.100	505.000.000	531.250.000	-	(26.250.000)
	VLC	75.000	16.354	1.226.540.000	1.282.226.329	-	(55.686.329)
	LCG	30.230	9.932	300.241.700	331.163.500	-	(30.921.800)
	MBB	200.000	23.285	4.657.000.000	5.112.000.000	-	(455.000.000)
	Cộng					(7.760.098.117)	(7.436.426.825)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	21.850.620.270	20.034.380.770	(1.816.239.500)	95.102.529	(1.911.342.029)	681.878.359	(2.593.220.388)
1	Cổ phiếu niêm yết	18.850.620.270	17.034.380.770	(1.816.239.500)	125.102.529	(1.941.342.029)	651.878.359	(2.593.220.388)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	(30.000.000)	30.000.000	30.000.000	-
II	Loại HTM	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay	75.000.000	75.000.000	-	-	-	-	-
	Cộng	36.925.620.270	35.109.380.770	(1.816.239.500)	95.102.529	(1.911.342.029)	681.878.359	(2.593.220.388)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Từ tài sản tài chính FVTPL	846.269.500	70.494.600
Từ các khoản đầu tư HTM	1.592.574.101	1.823.470.496
Cộng	2.438.843.601	1.893.965.096

4. Lãi từ các khoản phải thu

Từ các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	75.955.770	108.783.399
Cộng	75.955.770	108.783.399

5. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.027.213.952	4.190.361.438
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	4.660.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	1.879.500.000
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	399.837.772	307.813.725
Doanh thu hoạt động tư vấn	84.673	501.363.636
Doanh thu khác	178.000.000	383.574.310
Cộng	14.265.136.397	7.262.613.109

6. Chi phí các dịch vụ khác

Chi phí dự phòng xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi	378.422.832.026	-
Chi phí hoạt động tự doanh	1.191.613.120	1.230.375.336
Chi phí môi giới chứng khoán	7.440.227.643	3.564.940.224
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	578.185.830	563.184.064
Chi phí hoạt động tư vấn	24.000.000	141.495.976
Cộng	387.656.858.619	5.499.995.600

7. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	329.469.985	434.916.676
Cộng	329.469.985	434.916.676

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.104.590.084	4.012.043.435
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	381.374.406	300.583.000
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	8.092.862	11.875.053
Chi phí công cụ, dụng cụ	418.926.421	452.817.447
Chi phí khấu hao TSCĐ	177.237.462	180.341.517
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.205.556	3.330.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.319.375.392	2.344.284.985
Chi phí khác	392.203.572	276.023.685
Cộng	8.805.005.755	7.581.300.017

9. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	375.299.974.977	298.519.845
Thu thanh lý CCDC	-	74.119.196
Doanh thu cho thuê xe	26.143.636	218.184.089
Xử lý công nợ	375.273.831.341	6.216.560
<i>Trong đó, xử lý công nợ phải trả Ngân hàng TMCP Tiên Phong (xem Thuyết minh V.11)</i>	<i>374.800.000.000</i>	
Chi phí khác	63.499.394	354.688.671
Chi phí nhượng bán, thanh lý CCDC	50.437.525	42.391.683
Chi phí cho thuê xe	13.061.869	156.742.428
Chi phí khác	-	155.554.560
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	375.236.475.583	(56.168.826)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
Điều chỉnh lợi nhuận (lỗ) kế toán:	152.000.000	640.000.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	152.000.000	640.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(10.510.000.769)	(2.352.844.563)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(444)	(125)

b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(10.662.000.769)	(2.992.844.563)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	(444)	(125)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền gửi kỳ hạn ngân hàng quá hạn (xem Thuyết minh V.1)	-	380.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	647.468.640	668.511.900
Từ năm thứ 2 tới năm thứ 5	2.315.779.502	-
Cộng	<u>2.963.248.142</u>	<u>668.511.900</u>

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thu nhập	1.789.771.079	1.770.146.714
Cộng	<u>1.789.771.079</u>	<u>1.770.146.714</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Hội đồng quản trị tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các khoản phải thu, và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả giao dịch chứng khoán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.245.318.486	399.014.392.685
Các tài sản tài chính FVTPL	20.034.380.770	22.041.771.520
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản cho vay	75.000.000	1.813.320.035
Các khoản phải thu	9.993.747.979	4.863.428.736
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	306.387.800	306.387.800
Cộng	<u>64.654.835.035</u>	<u>448.039.300.776</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	404.244.067	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.050.000.000	380.000.000.000
Chi phí phải trả	375.486.612	333.645.911
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.660.426.312	2.796.629.659
Cộng	<u>10.490.156.991</u>	<u>383.130.275.570</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro chủ yếu khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính,...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 17.034.380.770 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 1.703.438.077 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét trích lập dự phòng giảm giá phải thu khó đòi với các khoản phải thu không có khả năng thu hồi và phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp với tổng số tiền là 416.462.316.086 VND (xem Thuyết minh số V.5), do đó Công ty không có rủi ro đáng kể đối với các khoản phải thu này.

Các khoản ứng trước cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Hội đồng quản trị Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.245.318.486	-	-	19.245.318.486
Các tài sản tài chính FVTPL	20.034.380.770	-	-	20.034.380.770
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Các khoản cho vay	75.000.000	-	-	75.000.000
Các khoản phải thu cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	306.387.800	-	306.387.800
Cộng	64.348.447.235	306.387.800	-	64.654.835.035
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	404.244.067	-	-	404.244.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.050.000.000	-	-	8.050.000.000
Chi phí phải trả	375.486.612	-	-	375.486.612

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.660.426.312	-	-	1.660.426.312
Cộng	10.490.156.991	-	-	10.490.156.991
Chênh lệch thanh khoản thuần	53.858.290.244	306.387.800	-	54.164.678.044

31/12/2017**Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền	19.014.392.685	380.000.000.000	-	399.014.392.685
Các tài sản tài chính FVTPL	22.041.771.520	-	-	22.041.771.520
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Các khoản cho vay	1.813.320.035	-	-	1.813.320.035
Các khoản phải thu cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	306.387.800	-	306.387.800
Cộng	67.732.912.976	380.306.387.800	-	448.039.300.776

Nợ phải trả tài chính

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	380.000.000.000	-	380.000.000.000
Chi phí phải trả	333.645.911	-	-	333.645.911
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.796.629.659	-	-	2.796.629.659
Cộng	3.130.275.570	380.000.000.000	-	383.130.275.570

Chênh lệch thanh khoản thuần

64.602.637.406	306.387.800	-	64.909.025.206
-----------------------	--------------------	---	-----------------------

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 11 tháng 01 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông nhất trí thông qua một số vấn đề quan trọng theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHDCĐBT và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2019 như sau:

- Phương án tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành 16.000.000 cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu.
- Sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù cho phần lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế) nhằm giảm lỗ lũy kế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 01 năm 2019, Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019




PHẠM THỊ QUỲNH TRANG
Thành viên Hội đồng quản trị -
Đại diện pháp luật


NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính